TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2025
"*V/v: Tranh chấp ly hôn, xác định cha cho con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Ông Trần Văn Chánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:* Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 246/2025/TLST-HNGĐ về việc "Tranh chấp ly hôn, xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thanh L, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: 73A/4, tổ D, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: 430 Đ, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: 7/75, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang điều trị cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện dân lập Xuân Hợp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(bà L, ông B, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Vũ B kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, bà L và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, xảy ra những bất hòa trong sinh hoạt mà không giải quyết được. Bà L và ông B đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Tính đến thời điểm hiện tại, bà L và ông B đã ly thân được 7 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/12/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/3/2012. Khi ly hôn bà L đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Vũ B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về xác định cha cho con:

Từ cuối năm 2023, bà L có quan hệ tình cảm với ông Lê Văn C và có sinh 01 con chung với ông C ngày 08/10/2024 theo Giấy chứng sinh số 527, quyển số 10 tại Bệnh viện Đ2, tỉnh Thái Bình. Tại phiếu kết quả phân tích AND số 25266CG/DNA của Công ty TNHH Đ3 kết luận ông Lê Văn C, sinh ngày 20/02/1991, số CCCD: 034091001136 có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Lê Bùi Tuệ A (tên trên giấy chứng sinh Lê Thị Đ1), ngày sinh 08/10/2024, Giấy chứng sinh số 527, quyển số 10 tại Bệnh viện Đ2, tỉnh Thái Bình.

Bà L đề nghị Tòa án xác định ông Lê Văn C là cha đẻ của cháu Lê Bùi Tuệ A (tên trên giấy chứng sinh Lê Thị Đ1), ngày sinh 08/10/2024, Giấy chứng sinh số 527, quyển số 10 tại Bệnh viện Đ2, tỉnh Thái Bình.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Vũ B trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Thanh L chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/12/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/3/2012. Ly hôn, ông B đồng ý giao hai con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về yêu cầu xác định cha cho con: Ông B không có ý kiến về việc xác định ông Lê Văn C là cha đẻ của cháu Lê Bùi Tuệ A, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. - **Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày**:

Từ cuối năm 2023, ông C có quan hệ tình cảm với bà Bùi Thị Thanh L. Bà L có sinh 01 con chung với ông C vào ngày 08/10/2024 theo Giấy chứng sinh số 527, quyển số 10 tại Bệnh viện Đ2, tỉnh Thái Bình. Tại phiếu kết quả phân tích AND số 25266CG/DNA của Công ty TNHH Đ3 kết luận ông C và con chung sinh ngày 08/10/2024 theo giấy chứng sinh (tên dự kiến đặt Lê Bùi Tuệ A) có quan hệ huyết thống Bố - con.

Ông C đề nghị Tòa án xác định ông C là cha đẻ của con do bà L sinh ra vào ngày 08/10/2024 theo Giấy chứng sinh số 527, quyển số 10 tại Bệnh viện Đ2, tỉnh Thái Bình.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Thanh L. Bà L được ly hôn với ông Nguyễn Vũ B.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/12/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/3/2012 cho bà Bùi Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Vũ B không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

+ Về xác định cha cho con: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thanh L, xác định ông Lê Văn C là cha của cháu tên dự kiến Lê Bùi Tuệ A (tên trên giấy chứng sinh Lê Thị Đ1), ngày sinh 08/10/2024, Giấy chứng sinh số 527, quyển số 10 tại Bệnh viện Đ2, tỉnh Thái Bình.

+ Về án phí: bà L phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Thanh L, ông Nguyễn Vũ B và ông Lê Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông B, ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh L và ông Nguyễn Vũ B tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà L, ông B là hợp pháp. Nay bà L xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà L: Bà L xin ly hôn với ông B với lý do ông B và bà L thường xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, xảy ra những bất hòa trong sinh hoạt mà không thể nào giải quyết được. Ông B trình bày hai vợ chồng ông bà không còn tình cảm, bà L xin ly hôn ông cũng đồng ý.

Xét thấy, ông B, bà L quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nội dung này cả ông B, bà L đều thừa nhận nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B, bà L đều xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn của ông L có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà L, ông B có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/12/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/3/2012. Ly hôn, bà L đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B cũng đồng ý giao hai con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông B không cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Minh K nguyện vọng của 02 cháu là được ở với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử

ghi nhận sự thỏa thuận của bà L, ông B về việc giao 02 con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông B không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà L, ông B khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L, ông B khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về xác định cha cho con:

Trong thời kỳ hôn nhân, bà Bùi Thị Thanh L có sinh 01 con ngày 08/10/2024 theo Giấy chứng sinh số 527, quyển số 10 Bệnh viện Đ2, tỉnh Thái Bình. Theo Kết quả phân tích AND số 25266CG/DNA của Công ty TNHH Đ3 xác định có quan hệ huyết thống bố - con với ông Lê Văn C, sinh ngày 20/02/1991. Bà Bùi Thị Lan A1 và ông Lê Văn C đều thừa nhận ông C là cha đẻ của con do bà L sinh ra ngày 08/10/2024, ông Nguyễn Vũ B cũng không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 88, Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xác định ông Lê Văn C là cha đẻ của con do bà Bùi Thị Lan A1 sinh ra ngày 08/10/2024.

[8] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà L được miễn án phí yêu cầu xác nhận cha cho con.

[9] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 88, 102, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Thanh L. Bà Bùi Thị Thanh L được ly hôn với ông Nguyễn Vũ B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/12/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/3/2012 cho bà Bùi Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Vũ B không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông B được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về xác định cha cho con: Xác định ông Lê Văn C là cha của con do bà Bùi Thị Thanh L sinh ra ngày 08/10/2024 theo Giấy chứng sinh số 527, quyển số 10 Bệnh viện Đ2, tỉnh Thái Bình.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thanh L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005498 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà L được miễn án phí yêu cầu xác định cha cho con. Hoàn trả cho bà L số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005499 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai (1);
-VKSND thành phố Biên Hòa (2);
-THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
-UBND phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
-Đương sự (4);
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Thủy